

Thống kê số lượng, cơ cấu, chất lượng CCVCNLD cơ quan công tác dân tộc, tôn giáo cấp tỉnh, cấp xã
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BD TTG ngày /8/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

TT	Cơ quan công tác dân tộc và tôn giáo cấp tỉnh, cấp xã	Số biên chế được giao	Số có mặt			Lãnh đạo		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Ghi chú
			Công chức	Viên chức	HĐLĐ	Cấp trưởng	Cấp phó		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Dưới Đại học	
I	Cơ quan công tác dân tộc và tôn giáo cấp tỉnh	963	795	9	117	88	187	202	6	213	598	60	
1	Lãnh đạo cấp Sở (tương đương)	102	101	0	0	21	77	35	3	70	28	0	
2	Các phòng và tương đương	861	694	9	117	67	110	167	3	143	570	60	
II	Cơ quan công tác dân tộc và tôn giáo cấp xã	3.160	2.889	1	84	554	371	385	0	129	2.422	8	
TỔNG SỐ:		4.123	3.684	10	201	642	558	587	6	342	3.020	68	

Ghi chú:

- Số liệu cập nhật của 23/34 địa phương có gửi phụ lục báo cáo số liệu (trong đó có 03 địa phương chưa có số liệu cấp xã).